TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HĐ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **258**/2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 24/6/2025;
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Diệu Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải; Bà Lương Thị Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:** Ông Lưu Thế T - Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ L số 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2025, về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; ĐKTT: Thôn Hệ, xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số: 037187000583 do Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 16/12/2021. *Có mặt tại phiên tòa.*

- Bị đơn: Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1990; ĐKTT: Thôn Lũng Kênh, xã Đ Giang, huyện HĐ, TP. Hà Nội; Giấy CMND số: 017003127 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/9/2013. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:***

Chị và anh Trần Thanh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 tại UBND xã Đ Giang, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do anh Đvi phạm pháp luật hình sự, phải đi chấp hành án phạt tù 42 tháng, sau khi ra tù một thời gian ngắn lại tiếp tục vi phạm pháp luật và bị tạm giam từ tháng 9/2024, nay đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà. Quá trình tồn tại hôn nhân, chị ít được sự quan tâm về tình cảm và kinh tế của anh Đ, do vậy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Trần Thanh Tuấn T, sinh năm 03/12/2007 và Trần Thanh Tuấn K, sinh ngày 05/4/2020;

Nay ly hôn, chị L đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, do hiện nay anh Đ đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho các con.

Về T sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có T sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại Bản tự khai và Đơn đề nghị, bị đơn là anh Trần Thanh Đ trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/10/2016 tại UBND xã Đ Giang, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023. Nguyên nhân thời điểm này, anh mới chấp hành xong án phạt 42 tháng tù giam về địa phương, bản thân chưa có công ăn việc làm ổn định để giúp đỡ gia đình, vợ con; bản thân có áp lực về kinh tế nên anh tham gia chơi bời cờ bạc, thua lỗ, sau đó tiếp tục vướng vào lao L và hiện đang phải chấp hành án. Xét thấy bản thân anh chưa làm tròn trách nhiệm với vợ con, gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nay chị L yêu cầu giải quyết ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là: Trần Thanh Tuấn T, sinh năm 03/12/2007 và Trần Thanh Tuấn K, sinh ngày 05/4/2020;

Nay ly hôn, anh đồng ý giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, do hiện nay anh đang phải chấp hành án phạt tù, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho các con.

Về T sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có T sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Nam Hà, không trực tiếp tham gia giải quyết việc ly hôn tại Tòa án nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh và không tiến hành thủ tục hòa giải vụ án.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ L vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Giao cả 02 con chung của anh chị là T và K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng con chung.

Về T sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị L và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Thanh Đ là quan hệ tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn có đăng ký nơi thường trú tại huyện HĐ, Tòa án nhân dân huyện HĐ thụ L, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh Đ đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp.

Sau kết hôn, chị L và anh Đ chung sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ vi phạm pháp luật hình sự nhiều lần. Năm 2020 anh Đ phải đi chấp hành án phạt tù. Anh Đ chấp hành án xong một thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội và hiện đang phải chấp hành án phạt tù 04 năm. Anh Đ liên tục

chấp hành án dẫn đến việc không có điều kiện về thời gian, kinh tế để chăm lo cho cuộc sống chung vợ chồng, con cái dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị yêu cầu được ly hôn anh Đ, còn anh Đ đồng ý ly hôn.

Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là Trần Thanh Tuấn T, sinh năm 03/12/2007 và Trần Thanh Tuấn K, sinh ngày 05/4/2020.

Xét thấy, hiện cháu T và K đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định với chị L, nay ly hôn chị L và anh Đ thống nhất giao cả 2 con cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và tình trạng hiện tại của anh Đ nên được ghi nhận, tạm hoãn việc cấp dưỡng con chung cho anh Đ cho đến khi các bên có yêu cầu.

2.3. Về T sản chung, nợ chung: Chị L và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Thanh Đ.

- Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là: Trần Thanh Tuấn T, sinh năm 03/12/2007 và Trần Thanh Tuấn K, sinh ngày 05/4/2020;

Giao cháu Trần Thanh Tuấn T và Trần Thanh Tuấn K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T và cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng con chung cho anh Đ cho đến khi các bên có yêu cầu.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về T sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0039101 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Trần Thanh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND.H.HĐ;
- Chi cục THADS.H.HĐ;
- UBND xã Đ Giang;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Diệu Kim

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15h00 ngày 24/6 /2025
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nga
Ông Nguyễn Văn Hải

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ L số 191/2025/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2025 về tranh chấp Hôn nhân gia đình:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; ĐKTT: Thôn Hệ, xã Ninh Vân, thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số:

037187000583 do Cục Cảnh sát QLHC về Trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 16/12/2021.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh Đ, sinh năm 1990; ĐKTT: Thôn Lũng Kênh, xã Đ Giang, huyện HĐ, TP. Hà Nội; Giấy CMND số: 017003127 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/9/2013.

Căn cứ vào T liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Thanh Đ.

- Về con chung: Chị L và anh Đ có 02 con chung là: Trần Thanh Tuấn T, sinh năm 03/12/2007 và Trần Thanh Tuấn K, sinh ngày 05/4/2020;

Giao cháu Trần Thanh Tuấn T và Trần Thanh Tuấn K cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T và cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng con chung cho anh Đ cho đến khi các bên có yêu cầu.

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về T sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0039101 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Trần Thanh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 15h30 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hải **Lương Thị Nga** **Lương Thị Diệu Kim**